

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+RC4+RC5	7:25	6+6+9	0+0+0		2+2+18	0+0+0	chuyen 1rp1-
2		RP1+RC3+RCDM	7:25	12+4+6	0+0+0		10+5+7	0+0+0	rc8
3		VSP02+RC6	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
4		RP3+P3	9:25	21+0	0+0		16+6	0+0	
5		TD2+RC4+RP1	11:25	19+2+0	0+0+0		0+9+13	0+0+0	chuyen 1 rc4- rp1
6		RP1+RP2	11:25	6+10+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
7		AMD+VSP02	13:25	5+15	0+0		1+21	0+0	
8		RP3+RC10	13:25	21+0	0+0		20+2	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: RP1 - RC8 - RCDM	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4333	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU VAN TOAN	RP1	21	1	3			73	D-HANH	Vietnamese
2	KOROGLUEV R.	RP1	16,16-17	3	17			75	KH-THAC	Russian
3	LE ĐỨC THIÊN	RP1	19	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG TOAN	RP1	17	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
5	TAO QUANG NGÂN	RP1						66	KH-THAC	Vietnamese
6	LUƠNG THÈ HAI	RP1	16	1	12			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU THÈ	RP1						60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THẮNG	RP1						72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HAI KIẾN	RP1	20	1	2			73	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN THẮNG	RP1						60	NIPI	Vietnamese
11	NGUYỄN THỊ HẰNG	RP1	18	1	3	3	45	59	NIPI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG TU	RP1						73	DUY LINH	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN TUỆ	RC8	64	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG TUYẾN	RC8	61	1	8			99	KH-THAC	Vietnamese
15	TRANG NGỌC HÙNG	RC8	63	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ CÔNG TẠNH	RC8	62	1	3			64	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	92-93	2	18			72	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN TOAN	RCDM	88	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN QUY	RCDM	85	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	86	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN TRỌNG HIỆU	RCDM	87	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	89	1	7	2	25	72	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	12	836	9	51	3	45	10	1	CHUYỂN 1 PAX RP1-RC8
2	RC8	4	302	4	32	0	0	5		
3	RCDM	6	439	7	57	2	25	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.577</b>	<b>20</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.577</b>		<b>140</b>		<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:SAVR- RC4 - RC5	CREW: QVIET - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4329	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THỂ QUANG	SAVR	03	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	SAVR	05	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN AN NINH	SAVR	02	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	SAVR	01	1	16			135	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	SAVR	04	1	10			91	KH-THAC	Vietnamese
6	TẠ HỒNG QUÂN	SAVR	06	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
7	TSOPANOV A.V.	RC4				1	20	99	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN VIỆT THANH	RC4						70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VĂN TÙNG	RC4						79	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						76	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HAI ANH	RC4	77-78	2	17			74	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC DUNG	RC4	76	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
13	KURPASOV V.A	RC5				2	30	70	KH-THAC	Russian
14	TRỊNH VĂN TIỀN	RC5	12	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH PHƯƠNG QUY	RC5	09	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN TRUNG	RC5	10-11	2	10			82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HOANG TÙNG	RC5	07	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO QUYẾT THĂNG	RC5	08	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIỀN HUY	RC5	13	1	17			85	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI TRUNG SƠN	RC5	16	1	6			70	PSV	Vietnamese
21	ĐINH LÊ HOANG PHƯƠNG	RC5	17	1	6			69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	6	511	6	78	0	0	2		
2	RC4	6	457	3	28	1	20	2		
3	RC5	9	654	9	65	2	30	18		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.622</b>	<b>18</b>	<b>171</b>	<b>3</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.622</b>		<b>171</b>		<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: RP3 - P3	CREW: VTHANG - N.CUONG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4334	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	20	1	5	4	79	75	KH-THAC	Vietnamese
2	VOEVODCHENKOV N.V.	RP3	07	1	7			102	KH-THAC	Russian
3	MAI NGOC THIET	RP3	08	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẬU HOÀNG VŨ	RP3	19	1	8			92	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN BA HIỆP	RP3	18	1	5			77	KHI	Vietnamese
6	HUYNH NGOC BICH	RP3	02-03	2	11			69	YTE	Vietnamese
7	PHẠM HỮU THĂNG	RP3	15-16	2	14			88	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUANG TRUNG	RP3						68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH NAM	RP3	01	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	21	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
11	LUÔNG QUANG THƯỜNG	RP3	17	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH HOÀI	RP3	12-13	2	7			106	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN HIEN	RP3	11	1	5			52	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DOAN THANH	RP3	05	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC HUY	RP3	09	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	04	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG XUAN HUNG	RP3						71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGUYEN HAI DUONG	RP3	14	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CONG	RP3	10	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC OANH	RP3						62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG VĂN THƯỜNG	RP3	06	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.561	21	120	4	79	16		
2	P3	0	0	0	0	4	26	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.561</b>	<b>21</b>	<b>120</b>	<b>8</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.561</b>		<b>120</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: VSP02 - RC6	CREW: VIỆT - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4330	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	IANDAN E.	VSP02	45-46	2	20	4	55	85	KH-THAC	Russian
2	GURIN V.	VSP02	47	1	6			103	KH-THAC	Russian
3	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	49	1	3			96	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	37-38	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG LONG	VSP02	41-42	2	12			66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	44	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN PHỤ	VSP02	39	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	40	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	43	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	48	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH THẾ ANH	VSP02	34	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	33	1	5			69	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	35	1	5	1	8	66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	31	1	11			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	36	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	32	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	09	1	3	2	25	64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN GIÁP TUẤT	RC6	12	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	06	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN KIÊM BÁC	RC6	10-11	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HOANG THÔNG	RC6	08	1	17			87	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	07	1	10			76	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	16	1.164	19	122	5	63	16		
2	RC6	6	457	7	59	2	25	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.621</b>	<b>26</b>	<b>181</b>	<b>7</b>	<b>88</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.621</b>		<b>181</b>		<b>88</b>			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO:RP1 - RP2	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM25/4335		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN TIEN DUNG	RP1	66-67	2	16	1	20	49	XAYLAP	Vietnamese
2	DUONG BUU LAM	RP1	08	1	11	1	9	63	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM HONG VU	RP1	64-65	2	14			48	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG THOI	RP1	09-10	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÀO HAI NAM	RP1	72	1	8	1	16	72	NIPI	Vietnamese
6	LY XUAN TRUNG	RP1	58-59	2	8			64	YTE	Vietnamese
7	ĐINH QUOC TRUONG	RP1	70	1	9			77	PSV	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP1	04	1	8			75	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG PHUONG	RP1	06	1	4			65	PSV	Vietnamese
10	TRẦN HỮU THƯƠNG	RP1	63	1	7			82	PSV	Vietnamese
11	HOANG VAN HUNG	RP1	01-02	2	22			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN BA QUY	RP1	03	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LOI	RP1	71	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH VAN THUAN	RP1	11-12	2	15			66	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HUNG	RP1	60	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH DUNG	RP1	61-62	2	10			87	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	68	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH CONG	RP1						59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH HO	RP1	05	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	19	1.290	25	187	3	45	18		
2	RP2	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.290</b>	<b>25</b>	<b>187</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.290</b>		<b>187</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REF.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:TD2 - RC4 - RP1	CREW: TUYỀN - HTRUNG - HIẾU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4331	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	FOKS S. I.	TD2	81	1	9			125	KHOAN	Russian
2	ALEKHIN E.	TD2	82	1	5	2	25	95	KHOAN	Russian
3	LÊ GIÁP	TD2	83	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
4	TẠ HOÀI TRĂNG	TD2	78	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC THUẬN	RC4	82	1	12	1	20	67	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	81	1	5			66	PSV	Vietnamese
7	TRẦN QUANG TÙNG	RP1				1	12	73	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN TRƯỜNG	RP1	16	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	21	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	23	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	13	1	3			103	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HỮU HÀ	RP1	19-20	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	11	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾN	RP1	22	1	15			59	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN SANH TOÀN	RP1	17-18	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	14-15	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	4	368	4	32	2	25	0		
2	RC4	2	133	2	17	1	20	9	CHUYEN 1 PAX RC4-RP1	
3	RP1	10	738	12	85	1	12	13		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.239</b>	<b>18</b>	<b>134</b>	<b>4</b>	<b>57</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.239</b>		<b>134</b>		<b>57</b>			

GRAND TOAL: 1.430 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:35
B.CARD: NAU-4	TO:RP3 - RC10	CREW: HÙNG - SON - DTÙNG	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: OI		VNHS FLIGHT: TM25/4336	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN THANH CÔNG	RP3	30	1	4	4	80	64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	34	1	3			84	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THANH LONG	RP3	43	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ANH DŨNG	RP3						68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC ANH	RP3	35	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	RP3	31	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THÈ PHONG	RP3	44	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯU QUANG ĐẠT	RP3	46	1	14			74	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG QUANG LỘC	RP3	27	1	13			62	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ NGỌC ANH	RP3	26	1	11			73	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRI PHƯỚC	RP3	45	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN THÈ ANH	RP3	28-29	2	17			81	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN NGỌC TUẤN ANH	RP3	36	1	13	1	18	80	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM ĐĂNG ĐẠI	RP3	37	1	9			80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HOÀN	RP3	38-39	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	32	1	3			64	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN VY	RP3	33	1	5			66	PSV	Vietnamese
18	TRẦN THANH HAI	RP3	40	1	2			62	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRUNG (1966)	RP3	42	1	4			66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	41	1	2			56	PSV	Vietnamese
21	ĐINH BA THĂNG	RP3	47	1	6			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.477	22	152	5	98	20		
2	RC10	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.477</b>	<b>22</b>	<b>152</b>	<b>5</b>	<b>98</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.477</b>		<b>152</b>		<b>98</b>			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
PHẠM THÁI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: TIM - 4	TO:AMD - VSP02	CREW: TUYEN - HTRUNG - HIEU	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4332	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THAI SON	AMD	63-64	2	13	4	60	60	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ MẠNH ĐIẾP	AMD	71	1	11	1	22	74	CODIEN	Vietnamese
3	ĐINH MAI THIÊN	AMD	72	1	9			73	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG PHONG	AMD	61-62	2	19			67	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	69-70	2	18			98	CODIEN	Vietnamese
6	NGO ĐỨC CHU	VSP02	15	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	14	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	21	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	12	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	17	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MINH QUÂN	VSP02	19	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	13	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	11	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	23	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	20	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	24	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGỌC ĐÔNG	VSP02	16	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THỦY	VSP02	19	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	22	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG TRƯỜNG HẠNH	VSP02	25	1	6			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	5	372	8	70	5	82	1		
2	VSP02	15	1.063	15	82	0	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.435</b>	<b>23</b>	<b>152</b>	<b>5</b>	<b>82</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.435</b>		<b>152</b>		<b>82</b>			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYEN DUY TUYEN

NGUYEN DUC HANH TRUNG